

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cù Minh Tuấn

2. Ông Nguyễn Bá Phụng

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/01/2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Tống Văn D - sinh năm 1986; cư trú tại: Khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. ***Bị Đơn:*** Chị Dương Thị H - sinh năm 1991; cư trú tại: Khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 06/12/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là anh Tống Văn D trình bày: Anh và chị Dương Thị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 08/12/2014, có đăng ký tại UBND xã H, huyện C,

tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ anh D được khoảng 01 năm thì chuyển sang ở cùng nhà của bố mẹ chị H tại Khu 02, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống dẫn tới vợ chồng thường nói cãi nhau và bố mẹ đẻ chị H thường hay có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng đến anh và bố mẹ đẻ anh D. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Tại bản tự khai ngày 17/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Dương Thị H trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Nay chị H cũng đồng ý ly hôn, vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh D và chị H thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là: Tổng Minh P - sinh ngày 31/10/2015, Tổng Quỳnh L - sinh ngày 21/7/2017. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng với chị H. Ly hôn, anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tổng Minh P còn chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tổng Quỳnh L và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là 500.000đ/01 con chung/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Anh D, chị H thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như đã nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tống Văn D và chị Dương Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Tống Văn D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tống Minh P - sinh ngày 31/10/2015, chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Tống Quỳnh L - sinh ngày 21/7/2017, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Anh Tống Văn D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Tống Văn D và chị Dương Thị H đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh D, chị H là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, dẫn tới thường xuyên nói cãi chửi nhau. Mặc dù hai bên gia đình cùng chính quyền địa phương nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 10/2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh D và chị H thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy anh D đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ tại khu 02, xã H và có nghề nghiệp là lao động tự do (chủ yếu là xây dựng) tại địa phương, thu nhập bình quân khoảng 12-15.000.000đồng/tháng còn chị H đang làm thuê tại thành phố H, tỉnh Hưng Yên, thu nhập không xác định. Tại phiên tòa, chị H trình bày nếu chị trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung thì có khó khăn rất nhiều về điều kiện kinh tế. Mặt khác, trong 02 con chung có 01 con chung dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Do vậy, để đảm bảo

sự phát triển toàn diện của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là giao cháu Tổng Minh P cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Tổng Quỳnh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Việc chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Do các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Tổng Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Tổng Văn D và chị Dương Thị H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Tổng Minh P - sinh ngày 31/10/2015 cho anh Tổng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Tổng Quỳnh L - sinh ngày 21/7/2017 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 01/2019 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Tổng Văn D, chị Dương Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Tổng Văn D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 008412 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã H;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng